

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Bản án số: 263/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 26 tháng 8 năm 2025
V/v: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà HTTH

Các Hội thẩm nhân dân: Ông PVB
Bà NTN

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà NTAM – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông NNC – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2025/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2025/QĐST – HNGĐ ngày 08/08/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông BQV, sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT: Thôn LĐ, xã YP, huyện ÝY, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: P2008 chung cư Báo CAND – số 23 NXY, phường TL, Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà NTN, sinh năm 1985; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 19 ngõ 345 phố KT, phường KĐ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông BQV trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi và bà N không có cùng quan điểm sống, không cùng lý tưởng, không chia sẻ được với nhau về mọi mặt trong cuộc sống nên vợ chồng tôi thường xuyên cãi nhau vặt. Việc cãi nhau cũng xuất phát từ quan điểm sống khác nhau. Từ tháng 12 năm 2024 đến nay bà N ra ngoài sống, không ở cùng tôi tại địa chỉ P2008 chung cư Báo CAND – số 23 NXY, TL, TT, Hà Nội. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, tôi đã suy nghĩ kỹ, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi và bà N không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Tôi và bà N không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm

Ngoài các yêu cầu trên, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà NTN trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi kết hôn với anh V vào tháng 4 năm 2024, đến nay mới được hơn 1 năm. Việc mâu thuẫn trong gia đình là những việc không thể tránh khỏi và tôi cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ chứ chưa đến mức ly hôn, nguyên nhân xuất phát từ việc tôi nghi ngờ anh V có quan hệ với người phụ nữ khác. Tuy nhiên đó cũng chỉ là suy nghĩ của riêng tôi chứ tôi chưa có căn cứ. Trong tương hợp, nếu anh V có phải lòng ai đó ngoài tôi thì tôi cũng hy vọng anh V sẽ suy nghĩ lại. Do đó, tôi không đồng ý ly hôn và tôi vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Đề nghị Toà án tiến hành hoà giải để vợ chồng tôi quay về với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N thay đổi lời khai, trình bày: Tôi không đồng ý ly hôn vì hiện nay tôi và anh V chưa thoả thuận được với nhau về tài sản liên quan đến căn hộ 2008, chung cư Báo Công an nhân dân số 23 phố NXY, xã TL, huyện TT, Hà Nội (nay là căn hộ 2008, chung cư Báo Công an nhân dân số 23 phố NXY, phường TL, Thành phố Hà Nội). Tôi đã làm đơn tố giác anh BQV đến cơ quan công an phường TL, TP Hà Nội về hành vi bạo hành gia đình do anh V thường xuyên đánh đập tôi vì những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống và về hành vi lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của tôi.

- Về con chung: Về con chung như anh V trình bày là đúng. Do tôi và anh V không có con chung nên tôi cũng không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về tài sản chung: Căn hộ 2008, chung cư Báo Công an nhân dân số 23 NXY, phường TL, TP Hà Nội là tài sản mà tôi có trước thời kỳ hôn nhân. Căn hộ này tôi mua lại của cán bộ Báo công an nhân dân được phân nhà, tôi chưa được cấp sổ đỏ mà chỉ có vi bằng về việc mua bán, người đứng tên mua nhà là tôi.

Căn hộ này tôi đóng góp vốn khoảng 54%, anh V đóng góp vốn khoản 46%. Sau đó, do anh V làm ăn thua lỗ, có vay mượn tiền của bạn anh ấy để làm ăn và anh V nói với tôi là viết giấy chuyển nhượng cho bạn anh ấy để làm tin về việc anh V vay tiền, anh hứa với tôi sau khi có tiền trả cho bạn anh ấy thì anh ấy sẽ lấy lại căn nhà trả tôi. Toàn bộ số tiền anh V vay bạn anh ấy thì anh ấy nhận, thể hiện trên các giao dịch chuyển khoản qua ngân hàng của bạn anh V cho anh V. Nay anh V chưa trả nợ cho bạn anh ấy và không trả nhà cho tôi, anh V vẫn ở tại căn nhà này. Hiện nay tôi đã tố cáo anh V ra Công an phường TL và công an phường PL đã tiếp nhận đơn tố giác của tôi, đang điều tra làm rõ.

Các nội dung này tôi trình bày để Toà án nắm được. Hiện nay, tại Toà án tôi chưa yêu cầu Toà án giải quyết về vấn đề tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Về công nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông BQV có đơn xin xét xử vắng mặt, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn bà N vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nhà đất chung, nợ chung: Ông xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Các đương sự không hoà giải được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông BQV, cho ông BQV và bà NTN được ly hôn; Về con chung: Ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về tài sản chung, nhà đất ở chung, nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là bà NTN. Bà N có nơi cư trú tại Số 19 ngõ 345 phố KT, phường KĐ, thành phố Hà Nội, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

II. Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông BQV và bà NTN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường KĐ, quận TX, Hà Nội ngày 26/4/2024. Xác định hôn nhân của ông V và bà N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo ông V trình bày: ông V và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không cùng lý tưởng, không chia sẻ được với nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Ông bà đã ly thân từ tháng 12/2024, đến nay mỗi người ở một nơi.

Theo bà N: Bà N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chưa đồng ý ly hôn là do vợ chồng chưa thống nhất được việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc ly hôn hay đoàn tụ phải phụ thuộc vào việc vợ chồng có còn chung sống, yêu thương chăm sóc, quan tâm, chia sẻ với nhau hay không. Trên thực tế bà N đã sống ly thân với ông V từ năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành, ông V kiên quyết xin ly hôn, bà N cũng đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn.

Như vậy, có thể thấy hôn nhân của ông V, bà N thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của ông V đối với bà N là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Ông BQV và bà NTN không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về chia tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông BQV và bà NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông BQV và bà NTN trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông BQV phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông BQV và bà NTN có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông BQV đối với bà NTN.

Ông BQV được ly hôn với bà NTN.

[2]. *Về con chung*: Ông BQV và bà NTN không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về chia tài sản chung (động sản và bất động sản)*: Ông BQV và bà NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: Ông BQV và bà NTN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Ông BQV phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037320 ngày 22/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2- Hà Nội). Xác định ông V đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông V và bà N. Ông V và bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội.
- Phòng THADS khu vực 2 – Hà Nội.
- §-ng sù.
- UBND phường Khương Đình, Hà Nội
- L-u

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hiền